

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 14/DL/2021

I. Thông tin về tổ chức , cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức cá nhân : CÔNG TY TNHH CÔNG TY TNHH ĐỨC LỘC

Địa chỉ : Cụm Kinh Tế xã hội Tân Tiến , Thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại : 02113820758

Mã số doanh nghiệp: 2500375385

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Số 31/2021/NNPTNT-VP do Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản cấp ngày 22/10/2021

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Đường trắng tinh luyện Indonesia**

2. Thành phần : Đường mía 100%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

-Chất liệu bao bì: Sản phẩm được trực tiếp bao bì 2 lớp. (PE phía trong, bao PP phía ngoài). Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 50kg

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm :

- Nhà sản xuất : PT SENTRA USAHATAMA JAYA

Địa chỉ: INDONESIA

III. Mẫu nhãn sản phẩm (nhãn sản phẩm và nhãn phụ dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức , cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Hàm lượng kim loại nặng** : QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên kim loại nặng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Pb	mg/kg	0,5
2	Cd	mg/kg	1,0
3	As	mg/kg	1,0
4	Hg	mg/kg	0,05

2. **Các chỉ tiêu vi sinh vật** : TCVN 7270: 2003: Tiêu chuẩn Việt Nam về đường trắng và đường tinh luyện.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh hiếu khí	CFU/10g	200
2	Tổng số bào tử nấm mốc	CFU/10g	10
3	Tổng số bào tử nấm men	CFU/10g	10

3. **Độc tố vi nấm** : QCVN 8-1:2011/BYT: Giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	10
2	Aflatoxin B1	µg/kg	5

4. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật :** Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

5. **Tiêu chuẩn nhà sản xuất :**

5.1 **Chỉ tiêu cảm quan :**

- Trạng thái : sản phẩm dạng tinh thể
- Mùi vị : không có mùi lạ, vị ngọt
- Màu sắc: màu trắng

5.2 **Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu :**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng saccharose	%	> 99.8
2	Độ ẩm	%	<0.06
3	Độ màu	ICUMSA	< 45
4	Hàm lượng tro dẫn điện	%	≤0.04
5	Hàm lượng đường thử	%	≤0.04

5.3 **Hàm lượng hóa chất không mong muốn**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng SO2	mg/kg	<10

6. **Hướng dẫn bảo quản :** bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

7. **Hướng dẫn sử dụng :** sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Vinh Phúc, ngày 22 tháng 10 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC

Lê Thị Đức

NHÃN PHỤ DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: Đường Trắng Tinh Luyện Indonesia

Thành phần: Đường mía 100%

Khối lượng tịnh: 50 kg/bao

Ngày sản xuất: tháng 9/2021

Hạn sử dụng: tháng 9/2023

Hướng dẫn sử dụng: Dùng làm nguyên liệu trong chế biến thực phẩm

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin, cảnh báo: Sản phẩm dễ hút ẩm.

Xuất xứ :Indonesia

Nhà sản xuất: PT SENTRA USAHATAMA JAYA

Địa chỉ: INDONESIA

Nhập khẩu và tự công bố: CÔNG TY TNHH ĐỨC LỘC

Địa chỉ : Cụm Kinh Tế xã hội Tân Tiến, Thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Tự công bố số: 14/DL/2021

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 10 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC
Lê Chi Đức

MAX(WILL)™



**PURE REFINED CANE SUGAR
FINE GRAIN**

Sucre de canne raffiné

سكر أبيض مكرر من قصب السكر

特制白砂糖

백설탕

50kg
Net Weight
الوزن الصافي

Maxwill (Asia) Pte Ltd
10 Bukit Batok Crescent
#10-01 The Square Singapore 650079
enquiry@maxwill.com.sg
مكتوب (آسيا) الخاصة المحدود
الطراز 10 براتوك باتوك كريستال تا سيره سنالقر 2

Manufactured by
PT Bertha Usahatama Jaya
J. Raya Aoyor KM 10
Cagran, Bentun - Indonesia

Product of Indonesia



022043312028



3810



SI-2142.2-2019



USE NO HOOF



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Đuật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/Rep. Office 1: Phòng B Công Cảnh Cầu Lái, số 1293B Nguyễn Thị Định, P. Cầu Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đình Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001061 Email: khoinifc@gov.vn Website: <http://www.nifc.gov.vn>

14

Số: 22332/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: Đường trắng tinh luyện Indonesia
- Mã số mẫu: 07216393/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon buộc chun, 200 gam/túi - Số lượng: 1
NSX - HSD: Không có; Không có mẫu lưu
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có
- Ngày nhận mẫu: 21/07/2021
- Thời gian thử nghiệm: 21/07/2021 - 28/07/2021
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH ĐỨC LỘC
Địa chỉ: Cụm kinh tế xã hội Tân Tiến, Thị Trấn Thổ Tang,
Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Tổng số nấm men - nấm mốc	CFU/10g	ICUMSA GS 2/3-47:2015	5
9.2*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/10g	ICUMSA GS 2/3-41:2011	$2,5 \times 10^1$
9.3*	<i>Cl. perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.4*	<i>B. cereus</i>	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.5*	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.6*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.7*	Hàm lượng SO ₂	mg/kg	NIFC.02.M.10	4,79
9.8*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007 mg/kg)
9.9*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.10*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007 mg/kg)
9.11*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.12	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
9.13	Hàm lượng Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2021

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần hoặc kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.